

Số: 1669/QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 5 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo Bác sĩ nội trú

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ “Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên” được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tại Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 03 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 2424/2015/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 560/QĐ-ĐHYD ngày 06/4/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế và Tổ chức hoạt động của Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ “Quy định về Công tác quản lý đào tạo Sau đại học” của Đại học Thái Nguyên Ban hành kèm theo Quyết định số 1397/QĐ-ĐHTN-SDH ngày 26/08/2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo Bác sĩ nội trú;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo Bác sĩ nội trú của Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế cho các Quyết định ban hành hướng dẫn về tuyển sinh và đào tạo Bác sĩ nội trú trước đây của Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các phòng chức năng, các Khoa/Bộ môn, các đơn vị có liên quan và học viên Sau đại học chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *HL*

- Đại học Thái Nguyên (để b/c);
- Như điều 3 (để th/h);
- Lưu VT, SDH.



GS.TS. Nguyễn Văn Sơn

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY CHẾ ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1669/QĐ-ĐHYD ngày 25 tháng 9 năm 2016 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên)*

Căn cứ điều kiện thực tế của Nhà trường trong tổ chức đào tạo Bác sĩ nội trú, Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược yêu cầu các Phòng chức năng, các Khoa và các Bộ môn trong toàn trường thực hiện Quy chế Đào tạo Bác sĩ nội trú ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Để thống nhất trong quá trình thực hiện, Hiệu trưởng cụ thể hóa một số nội dung trong Quy chế như sau:

1. Điều kiện dự tuyển

Đào tạo BSNT chỉ dành cho các bác sĩ vừa mới tốt nghiệp hệ chính quy các chuyên ngành Y ở một trường Đại học Y, Đại học Y-Dược hoặc các cơ sở đào tạo khác của Việt Nam có đủ các điều kiện sau:

- Là bác sĩ vừa tốt nghiệp có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành học tương ứng với chuyên ngành xin dự thi và đạt loại khá trở lên.

- Trong các năm học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe).

- Tuổi đời không quá 27.

- Có đủ sức khỏe phục vụ lâu dài trong ngành y tế theo quy định tại Thông tư liên Bộ Y tế - Đại học, THCN và DN số 10/TT-LB ngày 18/8/1989 và công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/5/1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bác sĩ tốt nghiệp đại học đạt loại xuất sắc có đủ các điều kiện nêu trên được xét miễn thi tuyển. Người nước ngoài muốn học BSNT phải có đủ các điều kiện nêu trên và phải được Bộ ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

2. Thời gian và hình thức đào tạo

- Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung

- Thời gian đào tạo: 3 năm, học viên phải thường trú tại bệnh viện để học tập và làm việc thường xuyên.

3. Thi tuyển

- Việc thi tuyển thực hiện theo đúng các quy định về thi tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.
- Hội đồng tuyển sinh BSNT do Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập.
- Mỗi năm chỉ tổ chức thi tuyển 1 lần theo chỉ tiêu được giao.

Các môn thi tuyển

STT	Chuyên ngành đào tạo	Môn thi				
		Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Môn 5
1	Nội khoa	Toán thống kê	Ngoại ngữ: <i>(chọn 1 trong 5 thứ tiếng)</i>	Chọn 1 trong 4 môn: Giải phẫu, Sinh lý, Hóa sinh, Y sinh học di truyền. <i>Trước thi 03 ngày thí sinh sẽ bốc thăm để chọn môn thi này</i>	Nội khoa	Nhi khoa
2	Ngoại khoa		Anh, Pháp, Đức, Trung, Nga.		Ngoại khoa	Sản phụ khoa
3	Nhi khoa				Nhi khoa	Nội khoa

- Môn thi 1: Toán thống kê (*theo chương trình đại học y khoa*).
- Môn thi 2: Thí sinh đăng ký dự thi 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung hoặc Đức. Mức độ thi tương đương cấp độ A2 của khung Châu Âu chung và có ngoại ngữ chuyên ngành. Thời gian làm bài theo quy định cấp độ A2 với 2 kỹ năng đọc và viết.
- Môn thi 3: chọn 1 trong 4 môn gồm Giải phẫu; Sinh lý; Hóa sinh; Y sinh học di truyền. Trước ngày thi 3 ngày, đại diện thí sinh sẽ bốc thăm để chọn môn thi này, môn được chọn sẽ là môn thi thứ 3 cho tất cả các thí sinh cùng đợt thi Bác sĩ nội trú của Trường trong kỳ thi tuyển sinh năm đó.
- Môn thi 4: Là môn chuyên ngành, nội dung thi là nội dung của chuyên ngành dự tuyển.
- Môn thi 5: Là môn chuyên ngành gần. Môn thi này sẽ được xác định rõ trong thông báo tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

4. Điều kiện trúng tuyển

- Các môn thi đều phải đạt 5 điểm trở lên, riêng môn chuyên ngành phải đạt 7 điểm trở lên (thang điểm 10, làm tròn đến 0,5).
- Môn ngoại ngữ được dùng để xét chọn khi có những thí sinh bằng điểm nhau, không tính vào tổng điểm.

- Tổng điểm 3 môn (trừ môn ngoại ngữ) được xếp theo thứ tự từ trên xuống theo từng chuyên ngành để xét tuyển theo chỉ tiêu đã công bố.

- Nếu số thí sinh đạt ít hơn số chỉ tiêu đào tạo thì cũng không lấy thêm.

5. Tiêu chuẩn giảng viên

Giảng viên đào tạo BSNT là người làm nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ BSNT hoặc hướng dẫn học viên thực hiện đề tài luận văn BSNT.

5.1. Đối với giảng viên thỉnh giảng: các Khoa/Bộ môn chuyên môn làm hợp đồng giảng dạy với từng cá nhân và hoàn tất Hồ sơ (theo mẫu) nộp về phòng Đào tạo và phòng Hành chính tổ chức trước khi giảng viên tham gia giảng dạy đối tượng BSNT ít nhất 03 tháng.

5.2. Đối với các chuyên ngành lâm sàng: giảng viên thỉnh giảng phải có Chứng chỉ hành nghề khám chữa bệnh và đang làm việc tại cơ sở thực hành.

5.3. Yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ

- Đối với chứng chỉ chung, cơ sở và hỗ trợ, hướng dẫn thực hành: giảng viên phải có bằng Thạc sĩ, CKII hoặc là giảng viên chính/bác sĩ chính/được sĩ chính trở lên.

- Đối với các chứng chỉ chuyên ngành: giảng viên phải có bằng CKII, Tiến sĩ đã tốt nghiệp từ 3 năm trở lên trong cùng chuyên ngành hoặc có chức danh Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ khoa học.

- Đối với người hướng dẫn luận văn tốt nghiệp:

+ Phải có bằng CKII, Tiến sĩ, hoặc có chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư, Tiến sĩ khoa học. Nếu là Tiến sĩ hoặc CKII thì phải sau khi tốt nghiệp đủ 3 năm trở lên.

+ Mỗi học viên có không quá 02 người hướng dẫn.

+ Người hướng dẫn luận văn phải có chuyên môn đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đào tạo Bác sĩ nội trú. Người có chức danh Giáo sư hoặc có bằng Tiến sĩ khoa học được hướng dẫn tối đa 5 học viên BSNT trong cùng một thì gian; người có chức danh Phó giáo sư hoặc CKII hoặc Tiến sĩ được hướng dẫn tối đa 03 học viên BSNT (kể cả học viên của cơ sở đào tạo khác) trong cùng một thời gian;

+ Người hướng dẫn có 02 học viên liên tiếp không hoàn thành luận văn vì lý do chuyên môn thì tạm thời không được nhận thêm học viên. Khi có đến 03 học viên liên tiếp không hoàn thành luận văn mà không có lý do chính đáng, người hướng dẫn không được nhận hướng dẫn trong thời gian ít nhất 02 năm.

6. Tổ chức đào tạo

6.1. Tổ chức đào tạo

Ngay sau khi nhập học, các học viên được phổ biến mục tiêu, nội dung, kế hoạch học tập, Quy chế, Quy định về đào tạo trình độ bác sĩ nội trú của Bộ Y tế và

của Trường Đại học Y–Dược, Đại học Thái Nguyên, sau đó được giao cho Khoa/Bộ môn chuyên môn quản lý trực tiếp trong toàn khóa học.

6.2. Đánh giá các học phần

- Hình thức thi kết thúc học phần: Thi kết thúc học phần (TKTHP) được thực hiện khi đã hoàn thành toàn bộ nội dung của học phần. Hình thức TKTHP được quy định như sau:

+ Lý thuyết: Viết và báo cáo chuyên đề (*ngoại trừ học phần Tiếng Anh, Tin học ứng dụng và Phương pháp dạy đại học*).

+ Thực hành: Khám, chẩn đoán, xử trí và thực hiện thủ thuật trực tiếp trên người bệnh.

- Điểm học phần được tính căn cứ vào các điểm thành phần, có trọng số cho từng điểm thành phần, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX), điểm thi giữa học phần (TGHP) và điểm thi kết thúc học phần.

+ KTTX là kiểm tra hết chương hoặc sau mỗi ĐVHT; Học phần có 01 bài KTTX thì kiểm tra khi thực hiện được 1/3 nội dung học phần, học phần có 02 bài KTTX thì bài 1 kiểm tra khi thực hiện được 1/3 nội dung học phần và bài 2 kiểm tra khi thực hiện được 2/3 nội dung học phần; điểm KTTX hệ số 0,2 với những học phần có 01 bài KTTX, có hệ số 0,1 với những học phần có 02 bài KTTX; thời gian làm bài KTTX với hình thức tự luận là 30 phút, trắc nghiệm là 15 phút.

+ TGHP: Học phần chỉ có lý thuyết TGHP được thực hiện khi kết thúc 1/2 nội dung học phần, thời gian làm bài là 50 phút; Học phần có cả lý thuyết và thực hành nhưng chỉ tính một điểm học phần, TGHP chính là điểm đánh giá thực hành của học phần đó. Điểm TGHP có hệ số là 0,3.

- Số bài kiểm tra, thời gian thi kết thúc học phần (*áp dụng với những học phần không thi chuyên đề*), trọng số và cách tính điểm học phần được quy định như sau:

1. Môn chung, môn cơ sở (học phần chỉ có lý thuyết hoặc cả lý thuyết và thực hành): Chỉ lấy một điểm học phần.

Số ĐVHT (TC)	Số bài kiểm tra	Bài thi giữa học phần	Thời gian thi KTHP	Cách tính điểm học phần
2- 3 (2)	1	1	60'	$KTTX \times 0.2 + TGHP \times 0.3 + KTHP \times 0.5$
4-5 (3)	2	1	90'	$KTTX \times 0.1 + KTTX \times 0.1 + TGHP \times 0.3 + KTHP \times 0.5$
≥ 6 (4)	2	1	120'	$KTTX \times 0.1 + KTTX \times 0.1 + TGHP \times 0.3 + KTHP \times 0.5$

2. Môn chuyên ngành: tính riêng điểm lý thuyết và thực hành

- Điểm lý thuyết

Số ĐVHT (TC)	Số bài kiểm tra	Bài thi giữa HP	Thời gian thi KTHP	Cách tính điểm học phần
2- 3 (2)	1	1	60'	$KTTX \times 0.2 + TGHP \times 0.3 + KTHP \times 0.5$
4-5 (3)	2	1	90'	$KTTX \times 0.1 + KTTX \times 0.1 + TGHP \times 0.3 + KTHP \times 0.5$
≥ 6 (4)	2	1	120'	$KTTX \times 0.1 + KTTX \times 0.1 + TGHP \times 0.3 + KTHP \times 0.5$

- Điểm thực hành

Số ĐVHT (TC)	Thi KTHP thực hành	Cách tính điểm học phần
≤ 3 (2)	Thi kỹ năng TH trên người bệnh	$(\text{Chỉ tiêu TH} + KTHP \text{ TH})/2$
≥ 4 (3)	Thi kỹ năng TH trên người bệnh	$((\text{Bệnh án} + \text{chỉ tiêu TH})/2 + KTHP \text{ TH})/2$

+ Điểm bài kiểm tra, điểm thi và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 và được làm tròn đến 0,5 điểm.

- Điểm học phần chung, học phần cơ sở và hỗ trợ phải đạt từ 6, riêng các học phần chuyên ngành phải đạt từ 7 điểm trở lên theo thang điểm 10.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

+ Học viên phải hoàn thành học phí và kinh phí do Nhà trường quy định. Phòng Kế hoạch - Tài chính gửi danh sách học viên chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính cho phòng Đào tạo (bộ phận SDH) trước khi tổ chức thi học phần 01 tuần.

+ Với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: học viên phải tham gia học thực hành đầy đủ và tham gia học trên 80% số tiết học lý thuyết quy định của học phần đó. Nghỉ học thực hành phải học bù đầy đủ mới được xét dự thi kết thúc học phần.

+ Học viên nghỉ học thực hành quá 20% số giờ thực hành ở học phần nào thì phải đăng ký học lại học phần đó. Chi phí học lại do học viên chi trả theo quy định hiện hành.

+ Có đủ các điểm kiểm tra thành phần theo quy định của từng học phần.

+ Với các học phần thực hành chuyên ngành: Bộ môn quy định các chỉ tiêu thực hành cho từng học phần. Học viên chỉ được thi kết thúc học phần thực hành chuyên ngành nếu đạt được từ 90% chỉ tiêu thực hành quy định cho học phần đó.

+ Với các học phần có tham gia trực tại bệnh viện, học viên phải tham gia trực theo lịch phân công của Bộ môn/Khoa chuyên môn. Nếu học viên bỏ trực 01 buổi không có lý do chính đáng sẽ bị điểm không (0) ở học phần đó.

+ Học viên muốn hoãn thi phải nộp đơn có ý kiến của Trưởng Khoa/Bộ môn chuyên môn, cùng các giấy tờ có liên quan cho phòng Đào tạo (bộ phận SDH) trước khi thi KTHP 1 tuần và phải thi trả nợ học phần trong kỳ thi kế tiếp.

+ Trước khi thi kết thúc học phần 1 tuần, Khoa/Bộ môn chuyên môn gửi danh sách học viên đủ/không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần kèm theo biên bản xét tư cách thi cho phòng Đào tạo (bộ phận SDH). Việc tổ chức thi kết thúc học phần được thực hiện trong tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần đối với cả thi KTHP lý thuyết và thi KTHP thực hành trừ những học phần thi KTHP bằng hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm thi thực hiện theo lịch của Phòng Đào tạo.

7. Thi tốt nghiệp

1. Điều kiện thi tốt nghiệp: Học viên được dự thi tốt nghiệp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo BSNT và đạt điểm kết thúc các học phần theo quy định, không vi phạm kỷ luật trong quá trình học tập.

2. Thi tốt nghiệp gồm bảo vệ luận văn, môn chuyên ngành, môn ngoại ngữ:

a) Bảo vệ luận văn: Luận văn được Hội đồng chấm luận văn đánh giá đạt yêu cầu.

b) Môn thi chuyên ngành: thi lý thuyết và thực hành. Điểm của mỗi phần được tính độc lập.

c) Môn ngoại ngữ đạt trình độ B1 khung tham chiếu châu Âu.

Các điểm thi tốt nghiệp đều phải đạt từ 7 điểm trở lên (thang điểm 10).

8. Luận văn và bảo vệ luận văn

8.1. Đề cương luận văn

Vào học kỳ 3 của năm học thứ hai, Khoa/Bộ môn chuyên môn gửi danh sách học viên kèm theo tên đề tài nghiên cứu và dự kiến người hướng dẫn, danh sách dự kiến Hội đồng (bao gồm 07 thành viên) thông qua đề cương cho từng học viên cho phòng Đào tạo. Phòng Đào tạo có nhiệm vụ tổ chức thông qua đề cương luận văn cho từng học viên.

- Học viên nộp quyền đề cương luận văn cho phòng Đào tạo.

- Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo ra Quyết định Hội đồng (gồm 05 thành viên) thông qua đề cương cho từng học viên (trên cơ sở tham khảo danh sách do Khoa/Bộ môn chuyên môn đã gửi).

- Những nghiên cứu tiến hành trên người thì đề cương nghiên cứu bắt buộc phải được thông qua và được sự cho phép tiến hành của Hội đồng Đạo đức Nhà trường.

- Sau ngày thông qua đề cương tối đa 02 tuần, học viên phải nộp lại đề cương luận văn đã chỉnh sửa theo ý kiến Hội đồng có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng cho phòng Đào tạo.

- Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo ra Quyết định giao đề tài và phân công người hướng dẫn luận văn tốt nghiệp BSNT cho từng học viên trên cơ sở kết luận của Hội đồng thông qua đề cương.

8.2. Bảo vệ luận văn tốt nghiệp

*** Yêu cầu đối với luận văn**

a) Luận văn phải thể hiện được các kiến thức về lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực chuyên môn, phương pháp giải quyết đã đặt ra. Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập để xử lý đề tài;

b) Luận văn BSNT có tối thiểu 20.000 chữ (khoảng >60 trang không kể bảng biểu, đồ thị, hình vẽ, danh mục tài liệu tham khảo), trong đó trên 50% là trình bày các kết quả nghiên cứu và bàn luận của riêng học viên.

c) Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

d) Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

e) Luận văn được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tẩy xóa.

*** Điều kiện học viên được bảo vệ luận văn**

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, thi tốt nghiệp môn chuyên ngành đạt yêu cầu (≥ 7);

b) Đạt trình độ ngoại ngữ B1 khung tham chiếu Châu Âu;

c) Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính;

d) Thông qua Hội đồng kiểm tra số liệu đề tài luận văn (được thực hiện vào tháng 7 hàng năm);

e) Đã tham dự Hội nghị khoa học Sau đại học ít nhất 01 lần (được tổ chức vào tháng 9 hàng năm).

f) Có ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành.

g) Luận văn đáp ứng được yêu cầu theo quy định.

h) Có lý lịch khoa học xác nhận của cơ quan công tác.

i) Người hướng dẫn có văn bản khẳng định chất lượng luận văn, có nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của học viên và đề nghị cho học viên được bảo vệ luận văn.

** Quy trình thực hiện bảo vệ luận văn tốt nghiệp tương tự như quy trình tổ chức xây dựng đề cương luận văn*

- Khoa/Bộ môn chuyên môn gửi danh sách học viên kèm theo tên đề tài nghiên cứu và danh sách dự kiến Hội đồng chấm luận văn (bao gồm 05 thành viên) cho từng học viên cho phòng Đào tạo. Phòng Đào tạo có nhiệm vụ tổ chức bảo vệ luận văn tốt nghiệp cho từng học viên.

- Học viên nộp 6 quyển luận văn và hồ sơ xin bảo vệ về phòng Đào tạo, trong đó có một quyển có chữ của Thầy hướng dẫn ít nhất 15 ngày trước ngày bảo vệ.

- Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo ra Quyết định Hội đồng (bao gồm 05 thành viên) chấm luận văn cho từng học viên (tham khảo danh sách do Khoa/Bộ môn chuyên môn đề xuất).

- Hội đồng chấm luận văn gồm 05 thành viên trong đó có ít nhất 02 thành viên ngoài cơ sở đào tạo. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, 02 phản biện và ủy viên hội đồng.

- Luận văn phải được gửi đến các thành viên Hội đồng trước thời gian tổ chức bảo vệ ít nhất là 7 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận văn và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng.

- Điểm chấm luận văn của từng thành viên theo thang điểm 10, lẻ đến 0,5. Điểm luận văn là điểm trung bình cộng của các thành viên Hội đồng có mặt và lấy đến hai chữ số thập phân. Luận văn không đạt yêu cầu khi điểm trung bình dưới 7,00.

Sau ngày bảo vệ luận văn tối đa 02 tuần, học viên phải nộp lại luận văn đã chỉnh sửa theo ý kiến Hội đồng có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng và đĩa CD chứa toàn bộ nội dung của luận văn cho phòng Đào tạo cùng giấy xác nhận đã nộp quyển luận văn và đĩa CD của thư viện Nhà trường và Trung tâm học liệu – Đại học Thái Nguyên.

** Không tiến hành bảo vệ luận văn khi xảy ra một trong các trường hợp sau*

- Học viên không đủ sức khỏe trong thời điểm bảo vệ.

- Vắng mặt Chủ tịch hoặc Thư ký hội đồng.

- Vắng mặt phản biện có ý kiến không tán thành luận văn.

- Vắng mặt từ 02 thành viên hội đồng trở lên.

9. Điều kiện tốt nghiệp, cấp bằng điểm và cấp bằng tốt nghiệp

- Thi tốt nghiệp đạt yêu cầu
- Bảo vệ luận văn đạt yêu cầu

10. Xử lý kỷ luật

- Học viên vi phạm quy chế học tập, quy chế thi sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành.

- Học viên đi học hộ, thi hộ, kiểm tra hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, kiểm tra hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

11. Các quy định khác thực hiện theo Quy chế

Bản hướng dẫn này có hiệu lực kể từ ngày ký, các hướng dẫn trước đây trái hướng dẫn này đều bị bãi bỏ.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Văn Sơn